

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8162/SXD-QH ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 4724/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn trên toàn bộ địa giới huyện Triệu Sơn, gồm 32 xã và 2 thị trấn, có giới hạn như sau:

- + Phía Bắc huyện Thiệu Hóa và huyện Thọ Xuân;
- + Phía Nam giáp huyện Như Thanh và huyện Nông Cống;
- + Phía Đông giáp huyện Đông Sơn;
- + Phía Tây giáp huyện Như Thanh, Thọ Xuân và Thường Xuân.

- Quy mô: Diện tích lập quy hoạch vùng huyện Triệu Sơn khoảng 290,04 km². Dân số khoảng 202.470 người.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chương trình phát triển của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung, thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Triệu Sơn.

- Xây dựng vùng huyện Triệu Sơn thành vùng phát triển năng động với mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển KT – XH nhanh, bền vững, có vai trò tác động lan tỏa tới các vùng khác của tỉnh; đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị và An ninh - Quốc phòng.

- Đến năm 2022 hoàn thành xây dựng huyện nông thôn mới, đến 2045 hoàn thiện hệ thống đô thị trên địa bàn huyện trên cơ sở rà soát đánh giá tiêu chuẩn về đô thị, phân bố hợp lý, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của huyện đạt các tiêu chí đô thị loại IV.

- Là cơ sở để triển khai lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, các khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng đầu mối cấp vùng và xây dựng các chương trình phát triển đô thị.

3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là vùng đệm cho tam giác tăng trưởng kinh tế của 3 cụm động lực (thành phố Thanh Hóa – Lam Sơn Sao Vàng - KKT Nghi Sơn); đảm nhận chức năng vệ tinh phục vụ cho các trung tâm động lực của tỉnh.

- Là vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - du lịch tâm linh.

4. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng

Cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện dựa trên: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh

tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình hạ tầng xã hội, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn, vv...

4.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD ngày 31/12/2019.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; Hệ thống chiếu sáng công cộng; Hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông); Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); Hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); Hệ thống vệ sinh công cộng; Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa tang.

4.2. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số:

- Dân số hiện năm 2019 khoảng 202.470 người, Dân số đô thị khoảng: 24.296 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 12%.

- Dự báo đến năm 2025, dân số toàn huyện khoảng 212.000 người, Dân số đô thị khoảng 42.400 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20% (thành lập đô thị Gồm trên cơ sở hợp nhất tam Đồng: Đồng Tiến, Đồng Thắng, Đồng Lợi)

- Đến năm 2035: Dân số khoảng 240.000 người, Dân số đô thị khoảng 72.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 30%.

- Đến năm 2045: Dân số khoảng 280.000 người, Dân số đô thị khoảng 112.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%.

4.3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

Dự báo đất xây dựng đô thị: tiêu chuẩn khoảng: 250-300 m²/người;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng: 1.060 ha-1.272 ha.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 1.800 ha-2.160 ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 2.800 ha-3.360 ha.

(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đồ án quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cụ thể như sau:

5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Triệu Sơn và các vùng lân cận trong và ngoài tỉnh để có các giải pháp kết nối hiệu quả. Đánh giá tác động ảnh hưởng và mối quan hệ tương hỗ đối với các khu vực trọng điểm trong tỉnh.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên để xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, các khu vực cần kiểm soát phát triển.

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế xã hội như, so sánh với các huyện trong vùng làm cơ sở để đưa ra các dự báo đảm bảo khả thi, chính xác.

- Đánh giá tình hình phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa, thực trạng quản lý đô thị; các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng, hệ thống hạ tầng xã hội để làm cơ sở để xác định cơ cấu phát triển không gian.

- Đánh giá làm rõ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường,

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Định hướng cụ thể trên từng giai đoạn về kinh tế - xã hội để làm cơ sở định hướng các ngành, lĩnh vực, xác định các nét đặc trưng riêng của huyện, các trụ cột để tập trung phát triển theo hướng: nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch (đặc biệt là du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh).

- Định hướng phát triển không gian vùng phải phù hợp với định hướng chung của tỉnh, trong đó xác định vùng huyện Triệu Sơn nằm trong vùng phía Tây của tỉnh, định hướng phát triển nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp, vật liệu xây dựng, công nghiệp khai thác tuyển quặng, than bùn sản xuất phân bón, chế biến lương thực, thức ăn chăn nuôi...; Du lịch văn hóa tâm linh.

- Đối với phân vùng phát triển: rà soát lại các vùng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực gắn với việc bố trí các khu chức năng, các khu vực sản xuất. Xác định các vùng phát triển (các khu vực phát triển đô thị); hạn chế phát triển (vùng trũng thấp); các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (Quần thể di tích núi Nưa - đền Nưa - Am tiên, làng cò Khuyến Nông, và các khu di tích lịch sử...).

- Đối với tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Trên cơ sở định hướng Quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh trong quy hoạch tỉnh dự kiến phát triển 6 đô thị trên địa bàn toàn huyện gồm: Thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa, đô thị Sim, đô thị Thiệu, đô thị Gốm, đô thị Đà. Làm rõ tính chất chức năng của các đô thị, xác định quy mô các đô thị đảm bảo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 1210/2016/NQ-UBTVQH gắn với sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

5.3. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

Xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và một số công trình hạ tầng xã hội phục vụ vùng liên huyện như: các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

5.4. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, phát triển điện lực, cung cấp năng lượng, hạ tầng viễn thông thụ động, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang...

5.5. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác:

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản...), các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...).

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

6. Hồ sơ sản phẩm

6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch

Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

Sử dụng bản đồ địa hình số tỷ lệ 1/25.000 và tỷ lệ 1/10.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

6.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định theo yêu cầu hội nghị.

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 8 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

7. Kinh phí thực hiện: Giao UBND huyện Triệu Sơn tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

8. Nguồn vốn lập quy hoạch: Nguồn vốn lập quy hoạch do UBND huyện Triệu Sơn chủ động bố trí đảm bảo quy định.

9. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Triệu Sơn.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian thực hiện đồ án quy hoạch: Thời gian lập đồ án không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2021)QDPPD_NV QHVV Triệu Sơn

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm